

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi Khoản 5, Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT- BTNMT ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 422/TTr-STNMT ngày 21 tháng 11 năm 2012 và Báo cáo thẩm định số 240/BC-STP ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Khoản 5, Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“5. Đối với những dự án, hạng mục được lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ nhưng chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngoài việc được hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh còn được hỗ trợ đối với phần diện

tích đất nông nghiệp vượt hạn mức tính hỗ trợ (nếu có); mức hỗ trợ bằng tiền, bằng 2 (hai) lần giá đất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp bị thu hồi nằm trong địa giới hành chính của thành phố Cà Mau và 3 (ba) lần giá đất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp bị thu hồi nằm trong địa giới hành chính của các huyện; tổng diện tích đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở được hỗ trợ theo Điều 14 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND và hỗ trợ này không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. Giao tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét từng dự án cụ thể để tính toán mức hỗ trợ khác cho hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định này.

Đối với những dự án, hạng mục được thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 18 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2010 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6, Điều 1 Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh mà đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hoặc đã thực hiện chi trả hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được điều chỉnh theo Quyết định này.

Trường hợp các dự án, hạng mục đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định Nghị định số 69/2009/NĐ-CP mà chưa hoàn thành việc chi trả tiền nếu có vướng mắc phát sinh khi thực hiện quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và Điều 14 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Thủ trưởng các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Cà Mau;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chuyên viên các khối
- Lưu: VT, Mi10/12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Dũng

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 89/2007/TT-BTC ngày 25/7/2007 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 229/TTr-STC ngày 10/10/2012 và Báo cáo Thẩm định số 216/BC-STP ngày 01/10/2012 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013. Bãi bỏ Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ và

đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Trưởng ban Ban An toàn giao thông tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ TP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- CV KT (T, K), NC;
- Lưu: VT, Ktr37/12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký)

Phạm Thành Tươi

QUY ĐỊNH

Việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho tất cả các đối tượng tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông gồm: lực lượng Công an tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông; Thanh tra giao thông vận tải; Trạm cân kiểm xe; Cảnh vụ đường thủy nội địa; Ban An toàn giao thông tỉnh, huyện, thành phố và các lực lượng trực tiếp khác tham gia vào công tác trật tự an toàn giao thông tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quản lý và phân cấp nguồn thu

1. Tiền thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông được nộp vào Kho bạc Nhà nước trên địa bàn theo quy định.

2. Theo phân cấp ngân sách thì tiền thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông thuộc cấp nào ra quyết định thì ngân sách cấp đó hưởng 100%.

Điều 4. Tỷ lệ phân bổ nguồn thu

Tiền thu từ phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông phân bổ cho các đối tượng tham gia, cụ thể như sau:

1. Trích 70% cho lực lượng Công an tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông.
2. Trích 10% cho lực lượng Thanh tra giao thông vận tải hoạt động tại địa phương. Trong đó:
 - a) Trích 2% cho Trạm cân kiểm tra xe (nếu có) nhưng tổng số tiền trích không quá 30% số thực thu tiền nộp phạt vào tài khoản tạm giữ phát sinh tại Trạm cân.
 - b) Trích 2% cho Cảng vụ đường thủy nội địa (nếu có) nhưng tổng số tiền trích không quá 40% số thực thu tiền nộp phạt vào tài khoản tạm giữ phát sinh tại Cảng vụ.
3. Trích 10% cho Ban An toàn giao thông tỉnh, cấp huyện (theo phân cấp quản lý).
4. Trích 10% cho các lực lượng khác trực tiếp tham gia vào công tác trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn (trừ lực lượng Công an và Thanh tra giao thông vận tải địa phương).

Điều 5. Quản lý, sử dụng nguồn thu

Tỷ lệ nguồn thu trích cho các lực lượng tham gia quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 Quy định này được xem như 100% và được quản lý, sử dụng để chi cho các nội dung cụ thể sau:

1. Đối với lực lượng Công an; Thanh tra giao thông vận tải, trích cho Trạm cân kiểm tra xe, Cảng vụ đường thủy nội địa (nếu có). Dành 30% để mua sắm thiết bị phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành. Còn lại 70% để chi cho các nội dung sau:

- a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông nhằm thực hiện mục tiêu kiềm chế, tiến tới giảm dần tốc độ gia tăng tai nạn giao thông đường bộ và ùn tắc giao thông.

- b) Chi bồi dưỡng cho lực lượng Công an giao thông, Thanh tra giao thông vận tải trực tiếp tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông:

- Mức chi: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Cán bộ, chiến sỹ, lực lượng Thanh tra Giao thông vận tải trực tiếp tham gia công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông ban đêm (bao gồm cả lực lượng Công an chống đua xe trái phép ban đêm) được bồi dưỡng thêm 100.000 đồng/người/ca.

- c) Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn hoặc gia đình của cán bộ hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

d) Chi thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn.

đ) Chi đào tạo, tập huấn, sơ kết, tổng kết công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

e) Chi sửa chữa thiết bị, phương tiện, xăng dầu phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

g) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm và chi khác phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Đối với Ban An toàn giao thông tỉnh, huyện, thành phố được trích 10% để chi cho các nội dung như sau:

a) Chi bộ máy hoạt động của Ban An toàn giao thông.

b) Chi hoạt động, kiểm tra liên ngành của Ban An toàn giao thông.

c) Chi cho công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông của địa phương.

d) Chi tổ chức đào tạo nghiệp vụ về trật tự an toàn giao thông cho các đối tượng trực tiếp tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông của địa phương.

đ) Chi cho sơ kết, tổng kết công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

e) Chi hỗ trợ khắc phục hậu quả tai nạn giao thông, hỗ trợ phục vụ công tác giải tỏa hành lang an toàn giao thông.

g) Chi cho việc phổ biến pháp luật trật tự an toàn giao thông trong trường học.

h) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Ban An toàn giao thông cấp tỉnh, Thường trực Ban An toàn giao thông cấp huyện: Thực hiện theo quy định hiện hành tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

i) Chi khác phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

3. Đối với 10% trích cho các lực lượng khác trực tiếp tham gia vào công tác trật tự an toàn giao thông (tại khoản 4, điều 4): trên cơ sở đề nghị của Ban An toàn giao thông tỉnh, Thường trực Ban An toàn giao thông huyện, thành phố, Cơ quan Tài chính đề xuất, Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

4. Mức chi cụ thể cho các nội dung trên được thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước, đối với những nội dung chưa quy định mức chi, Thủ trưởng đơn vị quyết định chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Lập kế hoạch sử dụng và quyết toán việc sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông

1. Lập kế hoạch sử dụng:

Đối với các đơn vị được hưởng tiền thu phạt từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông được quy định tại Quyết định này, căn cứ vào tình hình sử dụng tiền thu phạt của năm trước và tình hình thực tế thu phạt trong năm để lập kế hoạch sử dụng theo định mức, chế độ quy định gửi Cơ quan Tài chính để thẩm định, tổng hợp trình UBND cùng cấp quyết định kế hoạch chi từ nguồn thu phạt.

2. Thực hiện kế hoạch:

Định kỳ 15 ngày (đầu tháng, giữa tháng) căn cứ số tiền phạt thực tế thu được do Kho bạc nhà nước (tỉnh, huyện, thành phố) thông báo, cơ quan tài chính tạm trích số tiền thu phạt vi phạm hành chính cho các đối tượng thụ hưởng theo tỷ lệ quy định, tháng sau điều chỉnh theo thực tế. Nếu số tạm trích nhỏ hơn số được trích theo quy định thì được trích tiếp cho đủ mức quy định, nếu số tạm trích lớn hơn số được trích theo quy định thì trừ vào số được trích tháng sau.

3. Quyết toán tiền thu phạt:

Cuối năm, các đối tượng thụ hưởng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông lập báo cáo quyết toán gửi Ban An toàn giao thông và cơ quan tài chính để tổng hợp báo cáo, trình UBND cùng cấp phê duyệt. Số tiền thu phạt sử dụng không hết trong năm được chuyển sang năm sau sử dụng cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và bổ sung cho việc đầu tư và cơ sở vật chất bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai và hướng dẫn thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Thành Tươi